

Lam Son, ngày 29 tháng 07 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP .HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- | | |
|--------------------------------------|---------------------------------------|
| - Tên tổ chức : | Công ty Cổ phần mía đường Lam Son |
| - Mã chứng khoán: | LSS |
| - Địa chỉ trụ sở chính: | Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa |
| - Điện thoại: | 0237.899 66 67 |
| - Fax: | 0237.3834 .092 |
| - Người thực hiện công bố thông tin: | Lê Văn Tân |
| Chức vụ: | Chủ tịch HĐQT |

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố : Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất quý IV năm tài chính từ 01/07/2021-30/06/2022, kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2022 tại đường dẫn : <http://www.lasuco.vn/>, <http://www.lasuco.com.vn/>,

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Tân



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2022

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2021 ĐẾN 30/06/2022)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 5
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6 - 7
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		986.767.899.232	879.951.235.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.637.749.000	33.955.889.537
1. Tiền	111		37.125.216.062	19.686.204.628
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.512.532.938	14.269.684.909
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.114.618.192	
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.114.618.192	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		284.687.456.201	340.002.452.074
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	170.007.859.130	162.958.421.285
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		129.397.246.524	154.846.530.412
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	18.057.663.898	52.632.240.153
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(32.775.313.351)	(30.434.739.776)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		641.520.013.789	498.140.684.747
1. Hàng tồn kho	141	V.6	647.350.614.951	503.494.693.029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(5.830.601.162)	(5.354.008.282)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.808.062.050	7.852.208.895
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	7.540.052.239	6.085.426.676
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.256.549.235	1.560.514.574
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	11.460.576	206.267.645
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.579.007.805.240	1.638.244.887.294
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.952.943.201	316.024.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		22.975.443.201	338.524.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
II. Tài sản cố định	220		1.115.070.445.847	1.249.826.951.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.066.597.833.836	1.215.184.302.426
<i>Nguyên giá</i>	222		2.982.425.920.621	2.954.300.555.425
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.915.828.086.785)	(1.739.116.252.999)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	48.472.612.011	34.642.648.574
<i>Nguyên giá</i>	228		52.258.456.172	46.331.274.994
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.785.844.161)	(11.688.626.420)
III. Bất động sản đầu tư	230			
<i>Nguyên giá</i>	231			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		354.251.561.243	293.587.500.206
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	354.251.561.243	293.587.500.206
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.251.145.800	36.251.145.800
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	6.251.145.800	6.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.14	30.000.000.000	30.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		50.481.709.149	58.263.265.788
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	47.060.331.024	57.946.367.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.421.378.125	316.898.716
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.565.775.704.472	2.518.196.122.547

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		929.496.044.192	964.701.040.316
I. Nợ ngắn hạn	310		867.563.715.169	886.424.755.372
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		107.025.025.899	132.331.262.048
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.194.591.834	71.256.571.660
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	26.341.492.664	18.113.059.758
4. Phải trả người lao động	314		21.597.656.649	20.086.883.604
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	51.456.259.609	69.282.740.067
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	35.282.483.040	24.246.130.368
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	582.451.382.208	547.947.101.280
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.214.823.266	3.161.006.587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		61.932.329.023	78.276.284.944
1. Phải trả người bán dài hạn	331			2.000.000.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		26.994.921.161	40.890.970.650
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	6.335.000.000	4.535.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		28.602.407.862	30.850.314.294

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

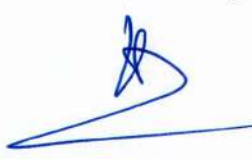
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.636.279.660.280	1.553.495.082.231
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.607.153.428.017	1.529.172.964.902
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	191.455.332.801	181.855.673.009
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21		(25.442.046.725)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	595.170.023.237	592.614.102.800
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	92.992.385.314	52.619.254.839
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.257.217.789	29.888.519.337
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.735.167.525	22.730.735.502
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	27.535.686.665	27.525.980.979
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		29.126.232.263	24.322.117.329
1. Nguồn kinh phí	431		8.071.296.223	2.951.551.359
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.22	21.054.936.040	21.370.565.970
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.565.775.704.472	2.518.196.122.547

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2022

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ IV KẾT THÚC NGÀY 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04 đến 30/06/2022		Lũy kế từ 01/07/2021 đến 30/06/2022	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	766.359.642.213	831.794.004.805	2.042.314.011.056	1.846.470.514.425
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	33.604.100	622.145.094	1.018.485.844	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	766.326.038.113	831.171.859.711	2.041.295.525.212	1.846.470.514.425
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	693.671.599.881	773.602.109.752	1.830.248.761.243	1.682.807.615.416
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.654.438.232	57.569.749.959	211.046.763.969	163.662.899.009
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	902.573.711	1.228.336.158	5.550.704.697	4.800.944.985
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	13.985.685.850	12.612.307.549	28.089.285.187	28.398.603.541
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		13.524.973.320	6.976.706.992	20.419.449.379	15.716.311.834
8 Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	24					
9 Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.391.748.118	7.670.404.853	72.814.801.391	51.213.243.759
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.868.408.418	17.899.762.678	62.240.617.410	58.959.021.524
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.311.169.557	20.615.611.037	53.452.764.678	29.892.975.170
12 Thu nhập khác	31		365.854.483	380.145.004	378.081.897	4.046.817.671
13 Chi phí khác	32		3.147.043.658	1.421.616.883	3.950.105.535	5.856.058.974
14 Lợi nhuận khác	40		(2.781.189.175)	(1.041.471.879)	(3.572.023.638)	(1.809.241.303)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.529.980.382	19.574.139.158	49.880.741.040	28.083.733.867
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.940.290.518	3.556.979.230	8.444.935.482	5.425.507.678

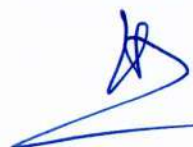
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04 đến 30/06/2022		Lũy kế từ 01/07/2021 đến 30/06/2022	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.299.340.589)		(3.299.361.967)	(194.861.180)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.889.030.453	16.017.159.928	44.735.167.525	22.853.087.369
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		25.286.586.995	17.312.158.345	44.458.016.951	22.730.735.502
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.397.556.542)	(1.294.998.417)	277.150.574	122.351.867

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2022

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2021-30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		49.880.741.040	28.083.733.867
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	2		167.368.737.989	163.886.533.395
- Các khoản dự phòng	3		2.817.166.455	11.241.422.893
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(113.888.486)	(125.344.710)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(162.891.168)	2.399.284.251
- Chi phí lãi vay	6		20.419.449.379	15.716.311.834
Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		240.209.315.209	221.201.941.530
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		1.398.693.172	(4.436.552.120)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(143.855.921.922)	(251.162.782.706)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(58.151.987.760)	105.275.880.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.431.410.485	(9.076.113.518)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.497.461.324)	(16.572.793.888)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.675.289.899)	(6.077.433.755)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.766.760.746	16.643.699.740
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.272.342.465)	(20.684.999.789)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.353.176.242	35.110.845.861
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(94.716.607.411)	(196.341.991.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	8.007.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		8.536.625.769	8.323.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		162.891.168	3.818.806.125
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(86.017.090.474)	(176.092.913.013)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		35.041.706.517	25.608.905.500
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.285.813.335.644	1.159.376.559.521
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.249.509.054.716)	(1.039.931.320.405)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(213.750)	(2.796.136.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71.345.773.695	142.258.008.221
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.681.859.463	1.275.941.069
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	33.955.889.537	32.664.138.708
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			15.809.760
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	44.637.749.000	33.955.889.537

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2022

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

4. Công ty con:

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 07 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV của niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Xã Xuân Phú, Thọ Xuân, Thanh Hóa	90	43,59
2. Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100	100
3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nang, Huyện Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	100	100
4. Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Cụm CN Thị Trấn Vạn Hà, Quốc lộ 45, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	100	100
5. Công ty TNHH ITV Thành An – Lam Sơn	Thôn Làng May, Thọ Xương, Thọ Xuân, Thanh Hóa.	100	100
6. Công ty TNHH TTNC &PT NN CNC Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100	100

10

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
7. Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100	100

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính 2021/2022 bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle Netsuite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 08 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất và chế biến mía đường. Các sản phẩm còn lại áp dụng thuế suất 20% từ 01/01/2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	529.682.154	518.446.165
Tiền gửi ngân hàng	36.595.533.908	19.167.758.463
Các khoản tương đương tiền	7.512.532.938	14.269.684.909
Cộng	44.637.749.000	33.955.889.537

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.114.618.192	
Cộng	3.114.618.192	

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn		

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh	57.735.650.700	37.314.112.500
- Chi nhánh TNHH nước giải khát cocacola Việt Nam tại Hà Nội		17.612.272.125
- CZARNIKOW GROUP LIMITED	15.218.661.244	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	97.053.547.186	108.032.036.660
Cộng	170.007.859.130	162.958.421.285

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	18.057.663.898	52.632.240.153
Cộng	18.057.663.898	52.632.240.153

16

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	7.887.500.000	571.401.815
Nguyên liệu, vật liệu	52.543.142.615	54.511.688.417
Công cụ, dụng cụ	2.221.967.754	1.736.564.105
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.193.704.834	14.528.944.393
Thành phẩm	372.144.603.464	353.301.429.696
Hàng hóa	190.359.696.284	78.835.993.043
Hàng gửi bán		8.671.560
Cộng	647.350.614.951	503.494.693.029

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.830.601.162	5.354.008.282
Cộng	5.830.601.162	5.354.008.282

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.540.052.239	6.085.426.676
Cộng	7.540.052.239	6.085.426.676

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11.460.576	206.267.645
Cộng	11.460.576	206.267.645

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT. truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	749.219.563.984	2.104.938.286.887	66.741.670.744	21.994.283.989	11.406.749.821	2.954.300.555.425
Tăng trong năm	20.820.168.363	6.471.870.318	1.949.124.051	67.600.000	177.516.543	29.486.279.275
Mua sắm mới	6.853.174.061	6.471.870.318	1.949.124.051	67.600.000		15.341.768.430
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.966.994.302				177.516.543	14.144.510.845
Tăng khác						
Giảm trong năm	215.592.727	1.145.321.352				1.360.914.079
Thanh lý, nhượng bán	215.592.727	1.145.321.352				1.360.914.079
Góp vốn vào công ty con						
Giảm khác						
Số cuối năm	769.824.139.620	2.110.264.835.853	68.690.794.795	22.061.883.989	11.584.266.364	2.982.425.920.621
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	308.669.352.696	1.353.195.790.629	53.377.251.880	21.240.427.228	2.633.430.566	1.739.116.252.999
Tăng trong năm	31.400.001.538	141.814.989.129	2.640.884.019	154.089.157	784.856.029	176.794.819.872
Khấu hao trong năm	31.400.001.538	141.814.989.129	2.640.884.019	154.089.157	784.856.029	176.794.819.872
Tăng khác						
Giảm trong năm	82.986.086					82.986.086
Giảm do thoái vốn tại công ty con						
Thanh lý, nhượng bán	82.986.086					82.986.086
Giảm khác						
Số cuối năm	339.986.368.148	1.495.010.779.758	56.018.135.899	21.394.516.385	3.418.286.595	1.915.828.086.785
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2021	440.550.211.288	751.742.496.258	13.364.418.864	753.856.761	8.773.319.255	1.215.184.302.426
Số cuối năm tại ngày 30/06/2022	429.837.771.472	615.254.056.095	12.672.658.896	667.367.604	8.165.979.769	1.066.597.833.836

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm 01/07/2021	36.921.984.980	9.409.290.014	46.331.274.994
Tăng do mua sắm mới			
Tăng khác		15.230.260.896	15.230.260.896
Thanh lý, nhượng bán		9.303.079.718	9.303.079.718
Giảm khác			
Số cuối năm 30/06/2022	<u>36.921.984.980</u>	<u>15.336.471.192</u>	<u>52.258.456.172</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm 01/07/2021	2.440.735.496	9.247.890.924	11.688.626.420
Khấu hao trong năm	357.684.093	992.433.366	1.350.117.459
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán		9.252.899.718	9.252.899.718
Giảm khác			
Số cuối năm 30/06/2022	<u>2.798.419.586</u>	<u>987.424.575</u>	<u>3.785.844.161</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm 01/07/2021	<u>34.481.249.487</u>	<u>161.399.087</u>	<u>34.642.648.574</u>
Số cuối năm 30/06/2022	<u>34.123.565.394</u>	<u>14.349.046.617</u>	<u>48.472.612.011</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	30.366.333.204	30.366.333.204
DA trầm hương		5.262.485.568
DA công viên sinh thái tre luồng Tam Thanh	238.873.841.363	198.474.132.444
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	47.135.141.925	17.294.159.691
Các công trình khác	37.876.244.751	42.190.389.299
Cộng	<u>354.251.561.243</u>	<u>293.587.500.206</u>

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty liên kết		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.251.145.800	6.251.145.800
TỔNG CỘNG	<u>6.251.145.800</u>	<u>6.251.145.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	2%	100.000	2%	100.000

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	6.251.145.800	6.251.145.800
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn-Như Xuân	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà	2.276.500.000	2.276.500.000
Tổng công ty mía đường I - Công ty CP	2.974.645.800	2.974.645.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	36.251.145.800	36.251.145.800

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	47.060.331.024	57.946.367.072
Cộng	47.060.331.024	57.946.367.072

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	568.951.382.208	547.947.101.280
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	13.500.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả		
Cộng	582.451.382.208	547.947.101.280

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số phải nộp	26.341.492.664	18.113.059.758
Cộng	26.341.492.664	18.113.059.758

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri 5%

Sữa gạo, nước mía, điện, dịch vụ cho thuê văn phòng, khách sạn, ăn uống 8%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	51.456.259.609	69.282.740.067
Cộng	51.456.259.609	69.282.740.067

19. Các khoản phải trả- phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả phải nộp khác	79.015.099.552	24.246.130.368
Cộng	79.015.099.552	24.246.130.368

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.335.000.000	4.535.000.000
Trái phiếu chuyển đổi		
Cộng	6.335.000.000	4.535.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III kết thúc ngày 31/03/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**21. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Đơn vị tính: VNĐ*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	595.338.856.693	37.903.905.896	2.763.395.059	1.483.310.878.432
Lợi nhuận năm trước					22.730.735.502	122.351.867	22.853.087.369
Trích lập các quỹ trong năm trước				2.476.081.658	(2.476.081.658)		
Chia cổ tức năm trước							
Quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.476.081.658)		(2.476.081.658)
Thưởng ban điều hành							
Bán cổ phiếu quỹ		1.679.261.225	7.429.644.275				9.108.905.500
Giảm do thoái vốn tại công ty con				(5.200.835.551)	(2.939.398.502)	24.640.234.053	16.500.000.000
Giảm khác					(123.824.741)		(123.824.741)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	592.614.102.800	52.619.254.839	27.525.980.979	1.529.172.964.902
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	592.614.102.800	52.619.254.839	27.525.980.979	1.529.172.964.902
Cổ đông thiểu số góp vốn							
Thưởng ban điều hành							
Bán cổ phiếu quỹ		9.599.659.792	25.442.046.725				35.041.706.517
Lợi nhuận trong kỳ					44.735.167.525	9.705.686	44.744.873.211
Chia cổ tức							
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.555.920.438)		(2.555.920.438)
Trích lập quỹ ĐTP				2.555.920.437	(2.555.920.437)		
Tăng giảm khác					749.803.824		749.803.824
Số dư cuối kỳ này	700.000.000.000	191.455.332.801		595.170.023.237	92.992.385.314	27.535.686.665	1.607.153.428.016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III kết thúc ngày 31/03/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	181.855.673.009
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ		(25.442.046.725)
Cộng	891.455.332.801	856.413.626.284

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	2.325.850
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	67.674.150
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	67.674.150

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ tại doanh nghiệp.

22. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	21.370.565.970
Tăng trong kỳ	
Giảm khác trong năm	315.629.930
TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí	
Khấu hao trong năm	
Số cuối năm	21.054.936.040

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2021/2022**1. Doanh thu bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	766.359.642.213	831.794.004.805
Các khoản giảm trừ doanh thu	33.604.100	622.145.094

23

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	766.326.038.113	831.171.859.711
2. Giá vốn hàng bán		
	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng bán	693.671.599.881	773.602.109.752
Cộng	693.671.599.881	773.602.109.752
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động tài chính	902.573.711	1.228.336.158
Cộng	902.573.711	1.228.336.158
4. Chi phí tài chính		
	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính	13.985.685.850	12.612.307.549
Cộng	13.985.685.850	12.612.307.549
5. Chi phí bán hàng		
	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	17.391.748.118	7.670.404.853
Cộng	17.391.748.118	7.670.404.853
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.868.408.418	17.899.762.678
Cộng	15.868.408.418	17.899.762.678

24

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày 30/06/2021 và 30/06/2022, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	3.044.265.222	25.987.146.426
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty ĐTPT Lam Sơn Bá Thước	Công ty con		653.901.183
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	3.446.019.638	60.809.462.348
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con		37.170.116.627
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	3.889.282.374	12.425.918.143
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	36.302.968.190	13.350.024.989
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Công ty con	11.150.000.000	28.257.000.000

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2021 đến 30/06/2022 doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là chiếm tỷ trọng 91% tổng doanh thu bán hàng hợp nhất; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 9%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/07/2021- 30/06/2022	Từ 01/07/2020- 30/06/2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.735.167.525	22.853.087.369
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	44.458.016.951	22.730.735.502
Số lượng cổ phiếu phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	70.000.000	67.674.150

X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐV	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 30/06/2021
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	38,46	34,94
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	61,54	65,06
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,23	38,31
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	62,70	60,60
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,07	1,09
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,76	2,61
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,14	0,99
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,05	0,04
Chỉ tiêu	ĐV	Từ 01/07/2021- 30/06/2022	Từ 01/07/2020- 30/06/2021
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	2,07	1,00
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,50	0,90
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,39	0,21
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,28	0,18
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Vốn chủ sở hữu</i>			
	%	0,45	0,30

26

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**XI. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG SO VỚI CÙNG KỲ****1. Biến động lợi nhuận so với cùng kỳ**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý IV kết thúc ngày 30/06/2022 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022) là 23.889.030.453 đồng tăng 49,15% so với cùng kỳ năm 2020/2021, một số chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/04 đến 30/06		
		Năm nay (đồng)	Năm trước (đồng)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về BH và CCDV	766.326.038.113	831.171.859.711	(7,80)
2	Giá vốn hàng bán	693.671.599.881	773.602.109.752	(10,33)
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	72.654.438.232	57.569.749.959	26,20
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	9,48%	6,93%	2,55%
5	Chi phí tài chính	13.985.685.850	12.612.307.549	10,89
6	Chi phí bán hàng	17.391.748.118	7.670.404.853	126,74
7	Chi phí quản lý	15.868.408.418	17.899.762.678	(11,35)
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.889.030.453	16.017.159.928	49,15

Nguyên nhân :

Doanh thu thuần Quý IV Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2021 đến 30/06/2022 giảm 7,8%; đồng thời giá vốn giảm 10,33% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 26,2% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu tăng 2,55% dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý IV năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2022 tăng 49,15% so với cùng kỳ quý IV năm trước.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2022



Lê Văn Phương